

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1021/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo : **Kinh tế số**

Mã số : **7310109**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Chuyên ngành : **Kinh tế và Kinh doanh số**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế và kinh doanh số có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho học viên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ hướng đến các mục tiêu sau:

- G1: Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, công nghệ thông tin và quản lý kinh tế, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số.

- G2: Đào tạo những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và thương mại dựa trên nền tảng số; marketing số, công nghệ tài chính, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông số.

- G3: Đào tạo cho người học sự hiểu biết chuyên sâu về hệ thống các phần mềm trên nền tảng điện toán đám mây (cloud computing) để phát triển kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- G4: Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghiên cứu khoa học, đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh, kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp.

- G5: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc ngành Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến kinh tế số, kinh doanh số, chuyển đổi số.

2. Chuẩn đầu ra

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế số

[5]. Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.

[6]. Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

[7]. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.

[8]. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

[9]. Hiểu rõ về pháp luật kinh doanh; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Có tư duy linh hoạt, nhạy cảm và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;

[11]. Có kỹ năng chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.

B.2. Kỹ năng mềm

[12]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[14]. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.

[16]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo				
		G1	G2	G3	G4	G5
CDR1	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	X				X
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.					X
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.	X				
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X	X			
CDR5	Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.	X	X		X	
CDR6	Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	X	X		X	
CDR7	Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.		X	X		
CDR8	Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các	X			X	

	cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.					
CĐR9	Hiểu rõ về pháp luật kinh doanh; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.	X	X			
CĐR10	Có tư duy linh hoạt, nhạy cảm và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;		X		X	
CĐR11	Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.	X		X		
CĐR12	Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.			X	X	
CĐR13	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	
CĐR14	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.					X
CĐR15	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.				X	X
CĐR16	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.		X			X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	2	2													X	X
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														X	
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		3											X	
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														X	X
5	THLS07	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2														X	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3							X		X	X			
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		3						2							X	
8	TOĐC06	Tin học đại cương			3				2									
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2											X	X				
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3											X	X				
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4											X	X				
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	3											X	
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	3											X	
14	TOCC01	Toán cao cấp			2												X	
15	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			3												X	
16	NNCS01	Tiếng Anh cơ bản 1*												X				
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																X
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*																X

19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*															X		
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*															X		
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*											X		X				
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																			
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc																			
21	KTKD01	Lập trình căn bản			2				3							X	X		
22	TOKT05	Kinh tế lượng			3	2											X		
23	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			3	3											X		
24	CSCS11	Chính sách công		4							2								
25	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD					4		2	3							X		
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số						3		3						X	X		
27	KHMA04	Marketing căn bản			2	4		3					X				X		
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																			
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán			2	4											X		
29	QTHO06	Quản trị học				3							X					X	X
30	QTCC01	Quan hệ công chúng				3											X	X	X
31	KHĐT05	Kinh tế đầu tư				3		2											
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			2	4													
33	ĐNTM08	Thương mại quốc tế				4		3					X		X	X			
34	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế				4		3							X	X			
2.2. Kiến thức ngành																			
2.2.1. Ngành bắt buộc																			
35	LUKT01	Pháp luật kinh tế		2		3					3						X		

36	QTMA09	Quản trị Marketing				4		3			3			x	x			
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu					3		3						x			
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp			2	4		2							x			
39	QTKD14	Thương mại điện tử					3		3	2					x			
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế								3	4	x		x	x			x
2.2.2. Ngành tự chọn																		
41	TCKH04	Kế toán tài chính			2	4		2							x			
42	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính			2	4		2							x			
43	TCCK25	Thị trường chứng khoán			2	3		2							x			
44	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo			2	4		2				x		x	x			
45	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý					2	2	2	2								
46	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số					2	2	2	2	3							
47	KTKD09	Thanh toán điện tử			3	3					3			x	x			
2.3. Kiến thức chuyên ngành																		
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																		
48	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử							4				x	x	x			x
49	KTKD05	Chuyển đổi số								4		x		x	x			x
50	QTDM01	Digital Marketing						4			4			x	x			x
51	LUKT18	Luật thương mại				3					4	x					x	x
52	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số						3		5				x	x			x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																		
53	KTKD11	Khoa học quản lý				2								x				x
54	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện							4	2			x		x			

55	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực															
56	QTTT11	Nghiên cứu thị trường			3	3								x			
57	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện									x	x		x			
58	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng					3		2	2							
59	ĐTRR06	Quản trị rủi ro			2	2				3				x	x		
60	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử						4		2				x	x		x
61	TCCN01	Công nghệ tài chính (Fintech)					2		4					x	x		x
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																	
62	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp				4			4	4	4	x		x	x	x	x
63	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp (với các sinh viên đủ điều kiện)				4			6	6	4	x		x	x	x	x
64	HPTN01	Phân tích dữ liệu Marketing			3	3			3	5	x			x	x	x	x
65	HPTN02	Quản trị và vận hành website thương mại điện tử				3			6	3	3	x		x	x	x	x

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

- 5. Thời gian đào tạo:** 3,5 - 4 năm
- 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ
- 7. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 9. Thang điểm:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	29-30	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22.3%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20.0%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8-9	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3-4	6,9%
2.4. Thực tập doanh nghiệp và khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	44-45	100%

11. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2. Giáo dục quốc phòng			8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	8	2
3. Giáo dục thể chất			6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3 *	2	3
4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	

1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)			17	
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTMA09	Quản trị Marketing	3	5
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	KTKD09	Thanh toán điện tử	3	6
3	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3	5
4	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	5
6	KTKD10	Mạng máy tính và truyền thông số	3	6
7	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
8. Chuyên ngành (Bắt buộc)			15	
1	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	3	5
2	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
3	LUKT18	Luật thương mại	3	7
4	QTDM01	Digital Marketing	3	6
5	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3-4 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
2	KTKD11	Khoa học quản lý	2	7
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	2	7
4	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực	3	6
5	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	6
6	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
7	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
8	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6

9	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	7
10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)			10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp (<i>với các sinh viên đủ đk</i>)	6	8
	HPTN01	Phân tích dữ liệu Marketing	3	8
	HPTN02	Quản trị và vận hành website TMĐT	3	8
TỔNG			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.*